

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN HẢI HẬU  
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2022/HNGĐ-ST

Ngày 24-02-2022

V/v: Ly hôn, con chung giữa  
chị H và anh T

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẢI HẬU, TỈNH NAM ĐỊNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phạm Thúy Nga.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Lưu Văn Đề;

Ông Nguyễn Văn Hóa.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Đoàn Thị Xuyên - Thư ký Toà án nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.

Ngày 24 tháng 02 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Hải Hậu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 16/2022/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 01 năm 2022 về việc “Ly hôn, con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2022/QĐXXST - HNGĐ ngày 17 tháng 02 năm 2022 giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:** Chị Bùi Thị H, sinh năm 1990; HKTT: Xóm 6, xã V, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định. Nơi ở hiện nay: Xóm 4, xã V, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định;

**Bị đơn:** Anh Nguyễn Quang T, sinh năm 1984; Địa chỉ: Xóm 6, xã V, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.

(chị H, anh T đều vắng mặt có lý do)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 14-12-2021 và quá trình tham gia tố tụng tại Toà án, nguyên đơn chị Bùi Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị H và anh Nguyễn Quang T đăng ký kết hôn ngày 28-8-2008 tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống cùng bố mẹ anh T tại xóm 6, xã V. Vợ chồng chung sống hòa thuận đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hợp, quan điểm sống khác nhau, anh T tính gia trưởng áp đặt chị H nên vợ chồng thường xảy ra va chạm, cãi chửi nhau, có lần anh T còn có hành vi bạo lực đối với chị H. Từ

ngày 18-9-2018, chị H đã về nhà bố mẹ đẻ ở, vợ cH sống ly thân và chấm dứt mọi quan hệ tình cảm với nhau từ đó cho đến nay. Nay chị H nhận thấy tình cảm của chị đối với anh T không còn nên làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn.

Về con chung: Vợ cH có ba con chung là Nguyễn H Diệu, sinh ngày 05-02-2010; Nguyễn Bảo Ngọc, sinh ngày 18-9-2012 và Nguyễn Minh Trang, sinh ngày 15-12-2016. Hiện nay ba con đang ở cùng anh T và bố mẹ của anh T. Khi ly hôn, chị H nhất trí để cả ba con chung cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng, chị H không phải cấp dưỡng nuôi con do anh T không yêu cầu.

Về tài sản và nghĩa vụ tài sản chung: Vợ cH không có tài sản chung, không vay nợ ai và không cho ai vay nợ nên chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 14-02-2022 của bị đơn anh Nguyễn Quang T có lời khai phù hợp với lời khai của chị H về thời gian kết hôn, quá trình chung sống, thời gian vợ cH mâu thuẫn và sống ly thân. Theo anh T, vợ cH mâu thuẫn là do tính tình quan điểm sống không hòa hợp nên hay xảy ra tranh cãi bất hòa. Tháng 9-2018 chị H tự ý bỏ về nhà ngoại để ở không quan tâm gì đến các con. Trong thời gian vợ cH sống ly thân, anh T và gia đình nhiều lần động viên chị H suy nghĩ lại quay về đoàn tụ nhưng chị H không nhất trí. Anh T là người theo đạo công giáo nên vợ cH không được ly hôn, nay chị H nộp đơn xin ly hôn làm anh T và gia đình rất bất ngờ, nhưng chị H nhất quyết xin ly hôn và anh không muốn ảnh hưởng đến ba người con chung chưa đến tuổi thành niên nên anh cũng chấp nhận nhất trí theo yêu cầu xin ly hôn của chị H.

Về con chung: Anh T thống nhất với lời khai của chị H vợ cH có ba con chung như chị H trình bày. Khi ly hôn, anh T có nguyện vọng nhận nuôi cả ba con chung và không yêu cầu chị H cấp dưỡng. Anh T có ý kiến không nhất trí cho chị H thăm con vì các con không muốn sống cùng mẹ và chị H không được làm ảnh hưởng đến cuộc sống của con.

Về tài sản và nghĩa vụ tài sản: Anh T có lời khai thống nhất với lời khai của chị H nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị H và anh T có ý kiến đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Chị Bùi Thị H và anh Nguyễn Quang T đều có đề nghị xin vắng mặt tại phiên tòa. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt chị H, anh T là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Quan hệ vợ cH giữa chị Bùi Thị H và anh Nguyễn Quang T là quan hệ hôn nhân hợp pháp vì được xây dựng trên cơ sở tự

nguyện và được Ủy ban nhân dân xã V, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định đăng ký kết hôn ngày 28-8-2008. Vợ cH chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình vợ cH không hợp, quan điểm sống khác nhau, chị H còn cho rằng anh T tính tình gia trưởng thường áp đặt chị nên trong cuộc sống hàng ngày thường xảy ra bất đồng, tranh cãi, có lần anh T còn có hành vi bạo lực đối với chị H. Do đó, chị H đã về nhà ngoại ở từ tháng 9-2018, vợ cH đã sống ly thân và chấm dứt mọi quan hệ tình cảm, trách nhiệm đối với nhau từ đó cho đến nay. Trong thời gian vợ cH sống ly thân, anh T và gia đình nhiều lần động viên chị H suy nghĩ lại quay về đoàn tụ vì theo luật đạo công giáo nhưng chị H không nhất trí. **Chị H xin ly hôn và đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải.** Xét thấy mâu thuẫn vợ cH giữa chị H và anh T là trầm trọng, cuộc sống chung không còn hòa hợp, hạnh phúc, thời gian vợ cH sống ly thân đã lâu nhưng chị H, anh T không có biện pháp, hành động thiết thực nhằm hàn gắn tình cảm và mong muốn cuộc sống chung của vợ cH tiếp tục tồn tại. Mặt khác, anh T cũng **xác định vợ cH ly thân đã ba năm** nên anh chấp nhận theo nguyện vọng xin ly hôn của chị H. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H, cho chị H được ly hôn anh T là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] *Về con chung*: Vợ cH có ba con chung là Nguyễn H Diệu, sinh ngày 05-02-2010; Nguyễn Bảo Ngọc, sinh ngày 18-9-2012 và Nguyễn Minh Trang, sinh ngày 15-12-2016. Hiện nay ba con đang ở cùng anh T và bố mẹ của anh T. Khi ly hôn, chị H và anh T đều thống nhất ý kiến để anh T tiếp tục nuôi dưỡng cả ba con, anh không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con. Xét điều kiện hoàn cảnh hiện nay, nguyện vọng của hai bên và nguyện vọng của các con thì thấy: Từ khi vợ cH sống ly thân đến nay, ba con chung vẫn đang ở cùng anh T và gia đình bên nội. Nguyện vọng của cháu Diệu và cháu Ngọc muốn ở cùng bố và ông bà nội. Chị H thường xuyên đi làm ở những nơi khác nhau không thuận tiện chăm sóc các con và hiện nay chị chưa có nơi ở ổn định còn ở nhờ bố mẹ đẻ chị. Anh T hiện đang kinh doanh tại nhà, anh xác nhận có thu nhập và có ông bà nội hỗ trợ chăm sóc các cháu. Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Do anh T không yêu cầu chị H cấp dưỡng nên về nghĩa vụ cấp dưỡng Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết. Về quyền thăm con: Do chị H không trực tiếp nuôi con nên có quyền thăm con theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình, do đó, anh T có ý kiến không nhất trí cho chị H thăm con là không phù hợp pháp luật. Vì vậy, cần giao cả ba con chung là Nguyễn H Diệu, Nguyễn Bảo Ngọc và Nguyễn Minh Trang cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, chị H không phải cấp dưỡng nuôi con cho anh T và được quyền thăm con là phù hợp với quy định tại các Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] *Về tài sản và nghĩa vụ tài sản chung*: Chị H và anh T xác nhận vợ cH không có tài sản chung, không vay nợ ai và không cho ai vay nợ nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[5] *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Chị Bùi Thị H phải nộp án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Bùi Thị H và anh Nguyễn Quang T.

2. Về con chung: Giao ba con chung là Nguyễn H Diệu, sinh ngày 05-02-2010; Nguyễn Bảo Ngọc, sinh ngày 18-9-2012 và Nguyễn Minh Trang, sinh ngày 15-12-2016 cho anh Nguyễn Quang T tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi các con chung thành niên, có khả năng lao động hoặc có tài sản để tự nuôi mình. Chị H không phải cấp dưỡng nuôi con cho anh T và được quyền thăm nom các con chung, không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm con để gây cản trở hoặc làm ảnh hưởng xấu đến việc nuôi dưỡng con.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị Bùi Thị H phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tại biên lai số 0006062 ngày 21-01-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hải Hậu. Chị H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

***Nơi nhận:***

- Dương sự;
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện, tỉnh;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã V;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Thúy Nga**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lưu Văn Đê    Nguyễn Văn Hóa**

**Phạm Thúy Nga**

